

Bản án số: 72/2019/HSST
Ngày: 11/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Lưu Danh Thùy

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-HS ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nông Đức M; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/9/1998 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Giới tính: Nam; HKTT: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Nông Việt G, sinh năm 1974; con bà: Sầm Thị N, sinh năm 1975; Cùng HKTT: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Phú Lương, Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị hại:*** Nguyễn Văn H, sinh năm 1959, trú tại: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Vi Hải H, sinh năm 1984, trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

- Trần Duy T, sinh năm 1990, trú tại: tổ H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Phú Lương, Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

- Nông Khánh D, sinh năm 1994, trú tại: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tạm trú: xóm B, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

4. *Người làm chứng*: Phạm Ngọc H, sinh năm 1994, trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 02/7/2018, Nông Đức M (sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đi xe bus từ huyện H đến thành phố C để gặp Trần Duy T (sinh năm 1990, trú tại: tổ H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng). Sau đó, T đưa M đến gặp Phạm Ngọc H (sinh năm 1994, trú tại: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) nhờ H đưa M đi thuê xe mô tô. H dẫn M đến hiệu cầm đồ P tại tổ H, phường H, thành phố C giới thiệu M là em của H muốn thuê xe mô tô để về nhà tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Do H là khách quen nên ông H đồng ý. Ông H và M đã làm hợp đồng cho thuê 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu đen, biển kiểm soát 11Z2-383C trong thời gian là 05 ngày. M để lại chứng minh thư nhân dân mang tên Nông Đức M làm tin và trả cho ông H số tiền thuê 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) rồi cùng H điều khiển xe đến chỗ T đang nghỉ tại nhà nghỉ H thuộc phường H, thành phố C. Sau khi đến nhà nghỉ T đưa H về nhà còn M ở lại nhà nghỉ. Khoảng 30 phút sau, T quay lại nhà nghỉ, M thấy T có 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên M lấy và thay vào chiếc xe mô tô vừa thuê được để mang đi cầm đặt lấy tiền tiêu xài vì nghĩ xe có đăng ký khi cầm đặt sẽ được nhiều tiền hơn. Sau khi thay biển số xong, M đem xe cùng giấy tờ xe đến hiệu cầm đồ H tại tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng cầm đặt với Vi Hải H (sinh năm 1984, trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) lấy số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). M đứng tên trong hợp đồng cầm đồ rồi hẹn 20 ngày sau sẽ mang tiền đến trả để lấy lại xe rồi bắt taxi quay lại nhà nghỉ H. Số tiền cầm xe M đã sử dụng cho nhu cầu bản thân. Đến ngày 09/7/2018, M đến cửa hiệu cầm đồ H lấy thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Số tiền này M sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngày 17/10/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra quyết định yêu cầu định giá tài sản số 165 đối với vật chứng vụ án. Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 52/KL-TCKH ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng đã kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, số loại KWW, màu đen, biển kiểm soát 11Z2-383C, số khung 168773, số máy 1369703, đăng ký lần

đầu tháng 9/2009, cấp lại lần 1 tháng 11/2012, giá trị tài sản còn lại là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)”.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu đen, số loại K W Y, số khung 168773, số máy 1369703 (không có biên kiểm soát) cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/11/2018.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ông Nông Việt G (sinh năm 1974, trú tại: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng) là bố đẻ của Nông Đức M đã tự nguyện bồi thường cho ông Vi Hải H theo biên bản thỏa thuận ngày 22/3/2019.

Đối với Phạm Ngọc H, H khai nhận không biết việc M thuê xe về để mang đi cầm lấy tiền tiêu xài nên không có căn cứ để xử lý đối với H.

Đối với Vi Hải H (là người được ủy quyền hoạt động kinh doanh hiệu cầm đồ H), cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 85/QĐ-XPVPHC ngày 22/4/2019) bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người cho người mang tài sản đi cầm cố quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 11, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Hành vi của Nông Đức M đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKSTP ngày 06/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Đức M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng nhận thấy có căn cứ cho rằng có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên đã trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng nhằm làm rõ có hay không việc Trần Duy T cùng thực hiện hành vi phạm tội với Nông Đức M theo quyết định số 50/2019/HSST-QĐ ngày 29/5/2018. Ngày 29/5/2019, Viện kiểm sát nhân thành phố Cao Bằng đã có ý kiến phúc đáp lại đối với quan điểm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng thông qua công văn trả lời số 237/VKS.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Đức M thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bị cáo có ý định thuê xe mang đi cầm từ trước khi bị cáo xuống thành phố Cao Bằng. Việc bị cáo có ý định đó Trần Duy T không biết. Biên kiểm soát xe mô tô 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, bị cáo mượn của T để thay vào chiếc xe đã thuê tại cửa hiệu cầm đồ P bởi vì xe có giấy tờ sẽ cầm được nhiều tiền hơn. Việc bị cáo đi cầm chiếc xe đã thuê

tại cửa hiệu cầm đồ H được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) T không biết và số tiền này bị cáo tự sử dụng, tiêu xài. T không liên quan đến những hành vi bị cáo đã thực hiện. T có mượn bị cáo số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), tuy nhiên bị cáo không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà tách ra thành vụ án khác khi bị cáo có yêu cầu. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình mà trực tiếp là bố bị cáo để trả lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho ông Vi Hải H. Đối với chứng minh thư nhân dân mang tên bị cáo, bị cáo đề nghị được nhận lại.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Duy T trình bày: việc bị cáo Nông Đức M đi thuê xe tại cửa hiệu cầm đồ P, T chỉ biết sau khi M đã thuê xe xong. Sau đó, bị cáo M thấy T có biển kiểm soát xe mô tô 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T nên M đã mượn để thay vào chiếc xe vừa thuê được. Việc M cầm chiếc xe thuê tại cửa hiệu cầm đồ H được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) T không biết. T có mượn M số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và T nhất trí trả cho M số tiền trên. Biển kiểm soát xe mô tô 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T là Nông Khánh D gửi nhờ ở chỗ T. Đối với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) T trả cho D là tiền T mượn D trước đó, không liên quan gì đến biển kiểm soát xe mô tô 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T. T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo M.

Lời khai của bị hại Nguyễn Văn H tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ông H xác nhận đã nhận lại chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, số loại KUY, SK: 168773, SM: 1369703, xe cũ đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát và không có yêu cầu gì thêm về chiếc xe này. Đối với biển số của chiếc xe trên (11Z2-383C) ông H đã tự đi làm lại, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, không có yêu cầu gì.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ông H xác nhận đã nhận số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) từ ông Nông Việt G là bố đẻ của bị cáo. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Khánh D vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ông D xác nhận ông đã được Trần Duy T bồi thường số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Chiếc xe máy của ông đã bị mất không thu hồi được nên biển kiểm soát 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng không còn giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu trả lại. Ông khẳng định những lời khai của ông tại cơ quan điều tra về việc T và người thanh niên đi cùng đến nhà ông vào khoảng tháng 6/2018 để mượn biển số và giấy đăng ký xe là hoàn toàn chính xác và ông không thay đổi gì về lời khai này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Nông Đức M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nông Đức M từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 55/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do không có yêu cầu.

Về vật chứng: tịch thu, tiêu hủy biên kiểm soát đã thu giữ và trả lại cho bị cáo chứng minh thư nhân dân mang tên Nông Đức M.

Tại phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Duy T không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Duy T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung đơn trình báo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Do không có tiền chi tiêu cho bản thân nên khoảng 17 giờ ngày 02/7/2018, Nông Đức M đến hiệu cầm đồ P tại tổ H, phường H, thành phố C để thuê 01 (một) chiếc mô tô Honda Wave alpha, màu đen, biển kiểm soát 11Z2-383C với lý do thuê xe để về nhà tại Hà Quảng. Tuy nhiên, sau đó M đem xe về thay bằng biển kiểm soát 11B1-044.9C và giấy tờ xe mang tên Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng rồi mang xe đi cầm tại cửa hiệu cầm đồ H thuộc tổ M, phường S, thành phố C được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Số tiền trên M đã chi tiêu cho nhu cầu bản thân. Giá trị tài sản mà M đã chiếm đoạt là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...”.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản vào năm 2018 (ngày 27/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản). Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Phú Lương, Thái Nguyên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Người phạm tội bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt chính: căn cứ vào nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Nông Đức M là đối tượng không thể tự cải tạo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng vụ án là chứng minh thư nhân dân mang tên Nông Đức M: đây là giấy tờ liên quan đến cá nhân của bị cáo, vẫn còn giá trị sử dụng. Bị cáo có yêu cầu nhận lại và không thuộc trường hợp vật chứng phải tịch thu nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với biển kiểm soát 11H1-044.9C và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe là Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; SK: 545712; SM: 3345730 do Phòng CSGT-Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 05/01/2013; đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, giao lại cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng để quản lý theo thẩm quyền.

[8] Về những vấn đề khác:

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mà Trần Duy T mượn của M, tại phiên tòa, bị cáo M không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ tách ra thành vụ án khác khi có đơn yêu cầu nên cần được chấp nhận.

- Xét thấy có căn cứ cho rằng có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng nhằm làm rõ có hay không việc Trần Duy T cùng thực hiện hành vi phạm tội với Nông Đức M theo quyết định số 50/2019/HSST-QĐ ngày 29/5/2018.

Qua ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại văn bản trả lời số 237/VKS ngày 29/5/2019 và diễn biến tại phiên tòa xét thấy không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Trần Duy T.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tuyên bố*: bị cáo Nông Đức M phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nông Đức M 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại Bản án số 55/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án

nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Buộc bị cáo Nông Đức M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 25/12/2018 (theo biên bản người bị kết án phạt tù tự giác đến thi hành án tại cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi có đơn yêu cầu đòi với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) Trần Duy T mượn của Nông Đức M.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 085074898 mang tên Nông Đức M do Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 17/4/2013.

- Tịch thu, giao lại cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng để quản lý theo thẩm quyền 01 (một) biển kiểm soát 11H1-044.9C và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe là Lương Thị T, địa chỉ tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; SK: 545712; SM: 3345730 do Phòng CSGT-Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 05/01/2013.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2019.

4. Về án phí: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Nông Đức M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Duy T có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị hại (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Hải H, Nông Khánh D (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp

liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai